

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 231/2020/DS-PT  
Ngày 05-8-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Ông Phạm Văn Ngọt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2020/TLPT-DS ngày 13/7/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 163/2020/QĐ-PT ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người làm chứng (do bị đơn mời):* Bà Kiều Thị H, sinh năm 1961

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị B trình bày:*

Vào ngày 10/6/2016 âm lịch (âl), bà Lê Thị N vay bà với số tiền 13.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận cụ thể thời gian trả, khi nào cần trả thì báo trước

nửa tháng, không có thỏa thuận lãi suất. Lần vay thứ hai vào ngày 29/7/2016 (âl), bà N vay của bà với số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, lãi suất 2%/tháng. Tổng cộng bà N vay số tiền là 33.000.000 đồng. Từ lúc vay cho đến nay, bà N không trả vốn, lãi. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ở Tòa án bà N cho rằng đã trả được số tiền là 2.000.000 đồng bà cũng đồng ý.

Nay bà yêu cầu bà N phải trả số tiền vốn còn nợ là 31.000.000 đồng, không yêu cầu phải trả lãi suất.

*Theo bản tự khai ngày và trong quá trình tố tụng bị đơn Lê Thị N trình bày:*

Bà thừa nhận có vay của bà B số tiền 13.000.000 đồng, đã trả 2.000.000 đồng, còn nợ 11.000.000 đồng. Bà đồng ý trả số nợ 11.000.000 đồng và yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng.

Đối với giấy nợ bà B cho rằng bà vay 20 triệu đồng là không đúng vì: Tại nhà bà H, bà B có lập giấy nợ cho bà vay 20 triệu đồng bằng giấy tập, bà có ký tên nhưng bà B không giao tiền cho bà. Sau này, bà B nhờ người đòi nợ bà bằng tờ giấy tập đó nên bà không đồng ý trả cho bà B theo giấy nợ bằng giấy tập được lập tại nhà bà H và giấy nợ này hiện tại không còn nữa vì bà B đã xé bỏ.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã áp dụng khoản các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Lê Thị N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vay là 31.000.000đ (Ba mươi một triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/5/2020, bị đơn bà Lê Thị N kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: Bà cho rằng bà có vay của bà B số tiền 13.000.000 đồng, đã trả 2.000.000 đồng, bà đồng ý trả số tiền còn nợ 11.000.000 đồng. Đối với số tiền vay 20.000.000 đồng mà bà B yêu cầu, bà không đồng ý vì ngày 29/7/2016 (âl) bà và bà B hẹn gặp tại nhà bà Kiều Thị H để lập hợp đồng vay 20.000.000 đồng nhưng sau khi bà ký tên, bà B nhờ bà H ký tên làm chứng nhưng bà H không đồng ý ký tên nên bà B không giao 20.000.000 đồng. Do bà B không cho bà vay tiền nên bà đã vay của bà Phạm Thị T 20.000.000 đồng. Như vậy, bà không có vay số tiền 20.000.000 đồng của bà B nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B đối với số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà.

Nguyên đơn bà B không đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo Kết luận giám định số 21/2020/GĐTL ngày 04/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre thì chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng mượn tiền ngày 29/7/2016 do chính bà N viết và ký tên, bà N cũng đồng ý với kết luận giám định, không yêu cầu giám định lại nên có căn cứ cho rằng bà N có vay của bà B số tiền 20.000.000 đồng. Bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Lê Thị N; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với khoản vay 20.000.000 đồng: Bà N kháng cáo cho rằng tại nhà bà H, bà có viết giấy vay số tiền 20.000.000 đồng của bà B nhưng do bà H không ký tên làm chứng nên bà B không cho vay tiền. Bà không vay được tiền của bà B nên vay của bà T, do không có vay số tiền 20.000.000 đồng của bà B nên bà không đồng ý trả.

Tuy nhiên, tại biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 20/5/2020 (BL 90) bà N xác định giấy mượn tiền mà bà lập tại nhà bà H là giấy tập và trong 02 hợp đồng mượn tiền bà B nộp cho Tòa án không có giấy nợ này. Như vậy, bà B không dùng giấy nợ mà bà N đề cập để làm chứng cứ chứng minh bà N vay số tiền vay 20.000.000 đồng của bà.

Trong khi đó, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là hợp đồng mượn tiền ngày 29/7/2016 (al) để chứng minh cho khoản vay 20.000.000 đồng. Mặc dù, ban đầu bị đơn bà N không thừa nhận có viết, ký tên trong hợp đồng nêu trên nhưng theo Kết luận giám định số 21/2020/GĐTL ngày 04/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre thì chữ ký “N” dưới mục “bên mượn” so với chữ ký, chữ viết của Lê Thị N do cùng một người ký (viết) ra. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải ngày 24/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, bà N trình bày “tôi không có yêu cầu giám định lại, tôi đồng ý kết luận giám định của Công an tỉnh Bến Tre, không có khiếu nại gì kết luận giám định”. Do đó, có căn cứ xác định bà N có vay của bà B số tiền 20.000.000 đồng.

Từ phân tích trên, có đủ căn cứ xác định bà N có vay của bà B tổng số tiền là 33.000.000 đồng (bà N thừa nhận khoản vay 13.000.000 đồng không có kháng cáo, chỉ kháng cáo đối với số tiền 20.000.000 đồng), đã trả 2.000.000 đồng, còn nợ 31.000.000 đồng. Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là

có căn cứ, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị N phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị N.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 20/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với bà Lê Thị N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền vay là 31.000.000 (Ba mươi một triệu) đồng.

[2] Về chi phí tố tụng: Buộc bà Lê Thị N phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị B số tiền chi phí giám định là 2.782.000 (Hai triệu bảy trăm tám mươi hai ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu 1.550.000 (Một triệu năm trăm năm chục ngàn) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị B được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà bà B đã nộp là 550.000 (Năm trăm năm chục ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007963 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000582 ngày 27/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Dũng**